TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22/4/2026
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Khuất Duy Toàn - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 349/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim L - sinh năm: 1982; Địa chỉ: A Đ, tổ B phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L1 - sinh năm: 1979; Địa chỉ: A Đ, tổ B phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn là bà Đặng Thị Kim L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn L1 kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, Đ (nay là phường Đ, Tp Đà Nẵng). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại phường H, thành phố Đà Nẵng; Quá trình chung sống thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thậm chí gây gỗ đánh nhau trước mặt con cái. Tháng 5/2025, tôi đã làm đơn xin ly hôn với ông L1, đến tháng 9/2025 tôi rút đơn vì mong muốn giữ gia đình cho con, nhưng sau đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng hơn và không có dấu hiệu dừng lại. Vì vậy, tôi xác định tình cảm không còn, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông L1 có 03 con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh ngày: 28/01/2011, Nguyễn Thị Nam P, sinh ngày 16/05/2015 và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/12/2018. Ly hôn, bà Đặng Thị Kim L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn – ông Nguyễn Văn L1 không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải, nhưng có bản tự khai ghi nội dung không đồng ý ly hôn với bà L, nhưng nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông L1 mong muốn được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

+ Về người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận cho bà Đặng Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

- Về quan hệ con chung, giao bà Đặng Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung: Nguyễn Thị Nam P, sinh ngày 16/05/2015 và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/12/2018; Giao cho ông Nguyễn Văn L1 nuôi dưỡng con cháu Nguyễn Tuấn N, sinh ngày: 28/01/2011. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Đặng Thị Kim L và ông Nguyễn Văn L1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về người tham gia tố tụng: Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 31/3/2026 và cũng như phiên toà hôm nay, Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn L1, nhưng ông L1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L1.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim L đối với ông Nguyễn Văn L1, thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Kim L và ông Nguyễn Văn L1 kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Đặng Thị Kim L khai nhận thì quá trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thậm chí còn đánh nhau trước mặt con cái. Tháng 5/2025, bà L đã làm đơn xin ly hôn với ông L1, đến tháng 9/2025 bà L rút đơn vì mong muốn giữ gia đình cho con, nhưng khi về chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng hơn và không có dấu hiệu dừng lại. Nay bà Đặng Thị Kim L xác định tình cảm không còn, đời sống chung vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục được nên mong muốn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1.

Phía ông Nguyễn Văn L1 thì không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải, nhưng có bản tự khai ghi nội dung không đồng ý ly hôn với bà L, nhưng nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông L1 mong muốn được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân là trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng là phải do các bên tự nguyện tạo lập, mục đích của hôn nhân là làm cho cuộc sống vui vẽ và hạnh phúc hơn. Việc bà Đặng Thị Kim L cho rằng nguyên nhân dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc là do ông Nguyễn Văn L1 không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, bà L xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn L1, nên mong muốn được ly hôn với ông L1. Trong khi đó, ông Nguyễn Văn L1 có thái độ không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải và tại phiên tòa, mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông Nguyễn Văn L1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ông Nguyễn Văn L1 không tôn trọng Pháp luật và thiếu thiện chí trong việc hàn gắn cuộc hôn nhân của mình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Đặng Thị Kim L và ông Nguyễn Văn L1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đặng Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1, như đề nghị của đại diện VKS Khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp.

[2.2]. Về quan hệ nuôi con chung: Bà Đặng Thị Kim L và ông Nguyễn Văn L1 có 03 con chung là Nguyễn Tuấn N, sinh ngày: 28/01/2011, Nguyễn Thị Nam P,

sinh ngày 16/05/2015 và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/12/2018. Ly hôn, bà Đặng Thị Kim L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Vì bà L cho rằng từ nhỏ đến giờ việc trông non giáo dục và đưa đón con cái ăn học đều do bà L thực hiện.

HĐXX xét thấy, tại bản tự khai cả 03 con đều có nguyện vọng được ở với Mẹ, trong khí đó ông L1 không hợp tác, không đến Tòa án trình bày nguyện vọng và chứng minh về điều kiện nuôi con, do vậy không cần thiết phải thay đổi môi trường sống của các cháu, căn cứ vào nguyện vọng của các con, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật HNGĐ, HĐXX giao 03 con chung cho bà Đặng Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành. Việc bà Đặng Thị Kim L không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, nên HĐXX không xét. Trường hợp ông L1 có nguyện vọng nuôi con chung và bà L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì khởi kiện tại Tòa án bằng vụ án khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét. Sau này, các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm**:** 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Đặng Thị Kim L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện v/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* của bà Đặng Thị Kim L đối với ông Nguyễn Văn L1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Kim L, sinh năm: 1982 được ly hôn với ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1979.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2010, ngày 02/3/2010 của UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Đ, Tp Đà Nẵng) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Đặng Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung: Cháu Nguyễn Tuấn N, sinh ngày: 28/01/2011; Nguyễn Thị Nam P, sinh ngày 16/05/2015 và Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 25/12/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn L1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Kim L phải chịu số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp tại Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng theo biên lai thu số 00005625 ngày 17 tháng 11 năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND KV4;*
- *Phòng THA.DS KV4;*
- *UBND P.Điện Bàn Bắc.*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trình